

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2019

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Bà Châu Thị Phương Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê –

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐ-XXST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T – sinh năm 1983.

ĐKNKTT: Thôn 2, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Cao Thị N - sinh năm 1983.

ĐKNKTT: Khu phố 12, Mũi Né, Phan Thiết, Bình Thuận.

Anh Trần Thanh T và chị Cao Thị N có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:**

Anh và chị Cao Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, bất đồng về cách suy nghĩ cũng như mọi vấn đề khác trong cuộc sống nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, vì vậy thường gây gổ cãi vã. Chị N

không quan tâm lo lắng gì đến gia đình chồng cũng như không quan tâm gì đến anh, không chia sẻ với anh những khó khăn trong cuộc sống. Do cả hai ở tại nhà của ba mẹ chị N nên thỉnh thoảng có xảy ra va chạm giữa anh và gia đình vợ do gia đình chị N rất coi thường anh gây cho anh nhiều ức chế nhưng chị N chẳng những không quan tâm chia sẻ với anh mà còn nghe lời gia đình coi thường anh, lạnh nhạt với anh. Hai vợ chồng ở chung nhà nhưng ít khi nói chuyện với nhau, khi nào anh hỏi thì chị N mới nói còn không hỏi thì thôi, cuộc sống vợ chồng rất nhạt nhẽo. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên vào năm 2015 anh đã nộp đơn yêu cầu ly hôn. Tại Tòa án lúc đó chị N hứa sẽ sửa chữa tánh tình của mình, hứa sẽ sống quan tâm chăm sóc đến anh nên anh xin rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó chị N vẫn giữ nguyên như cách sống cũ, không quan tâm gì đến anh cũng như chia sẻ với anh về tất cả các vấn đề trong cuộc sống kể cả tinh thần lẫn vật chất. Nay anh xác định anh không còn tình cảm gì với chị N nữa vì mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Trần Cao T – sinh ngày 01/8/2007. Nay ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ từ khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn chị Cao Thị N trình bày:**

Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp nên thường bất đồng quan điểm và hay thường xuyên gây gổ, cãi vã. Do tánh tình chị ít nói và do ham buôn bán kiếm tiền nên có nhiều lúc hay mệt mỏi vì vậy khi anh T đi làm về chị ít hỏi han, chia sẻ với anh T, vì vậy trước đây anh Tuấn cho rằng chị không quan tâm đến anh T và gia đình anh T vì vậy anh T đã 1 lần nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng khi đến Tòa chị có hứa sẽ sửa chữa và thuyết phục anh T rút đơn. Từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, anh T đi đâu làm gì chị cũng không dám gọi điện hỏi han vì sợ anh T không cho. Nay anh T nộp đơn yêu cầu ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương anh T và mặc dù vợ chồng có chung sống với nhau không hạnh phúc thì cũng phải sống chung với nhau để lo cho con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Cao T – sinh ngày 01/8/2007. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Tuấn và chị Năm không còn, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Trần Thanh Tuấn được ly hôn với chị Cao Thị N và chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào lời khai và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Cao Thị N có nơi cư trú tại khu phố 12, phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Trần Thanh Tuấn và chị Cao Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 02/7/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Cao Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Anh Trần Thanh T yêu cầu ly hôn với chị Cao Thị N vì cho rằng quá trình chung sống anh và chị N không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, bất đồng về cách suy nghĩ cũng như mọi vấn đề khác trong cuộc sống nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, vì vậy thường gây gổ cãi vã. Chị N không quan tâm lo lắng gì đến gia đình chồng cũng như không quan tâm gì đến anh, không chia sẻ với anh những khó khăn trong cuộc sống. Do cả hai ở tại nhà của ba mẹ chị N nên thỉnh thoảng có xảy ra va chạm giữa anh và gia đình vợ do gia đình chị N rất coi thường anh gây cho anh nhiều ức chế nhưng chị N chẳng những không quan tâm chia sẻ với anh mà còn nghe lời gia đình coi thường anh, lạnh nhạt với anh. Hai vợ chồng ở chung nhà nhưng ít khi nói chuyện với nhau, khi nào anh hỏi thì chị N mới nói còn không hỏi thì thôi, cuộc sống vợ chồng rất nhạt nhẽo. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên vào năm 2015 anh đã nộp đơn yêu cầu ly hôn. Tại Tòa án lúc đó chị N hứa sẽ sửa chữa tánh tình của mình, hứa sẽ sống quan tâm chăm sóc đến anh nên anh xin rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó chị N vẫn giữ nguyên như cách sống cũ, không quan tâm gì đến anh cũng như chia sẻ với anh về tất cả các vấn đề trong cuộc sống kể cả tinh thần lẫn vật chất. Nay anh xác định anh không còn tình cảm gì

với chị N nữa vì mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Cao Thị N đều cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên cũng thường gây gổ, cãi vã. Do tánh tình chị ít nói và do ham buôn bán kiếm tiền nên có nhiều lúc mỗi một nên chị ít nói chuyện và chia sẻ với anh T, vì vậy nên cách thể hiện tình cảm yêu thương của chị anh Tuấn không nhận thấy nên cho rằng chị không quan tâm đến anh T và gia đình anh T, nhưng thực tế là chị có quan tâm vì vậy trước đây anh T đã 1 lần nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng khi đến Tòa chị có hứa sẽ sửa chữa và thuyết phục anh T rút đơn. Nay anh T lại nộp đơn yêu cầu ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương anh T và mặc dù vợ chồng có chung sống với nhau không hạnh phúc thì cũng phải sống chung với nhau để lo cho con.

Qua lời trình bày của anh T và chị N trong suốt quá trình tham gia tố tụng xét thấy nguyên nhân dẫn đến đời sống hôn nhân của anh Trần Thanh T và chị Cao Thị N không hạnh phúc là do tánh tình anh chị không hòa hợp, nên thường phát sinh những bất đồng. Việc anh chị phát sinh mâu thuẫn như thế này đã nhiều năm, mặc dù cả hai đã cố hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân của anh T và chị N vẫn không đạt được, anh chị vẫn không hạnh phúc. Việc chị N không đồng ý ly hôn vì cho rằng mặc dù vợ chồng có chung sống với nhau không hạnh phúc thì vẫn phải có trách nhiệm sống chung với nhau để lo cho con là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ mục đích của hôn nhân là phải đem lại hạnh phúc cho cả hai bên, vợ chồng phải đồng cam cộng khổ và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống thì tình cảm mới gắn bó lâu dài. Tuy nhiên trong cuộc sống gia đình do anh chị không hiểu nhau và do tánh tình chị N ít nói nên thiếu sự quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống với anh T nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt vì vậy nếu có cố gắng ép để anh chị tiếp tục sống với nhau thì anh chị vẫn không hạnh phúc. Từ những lý lẽ trên xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 1 con chung tên Trần Cao T – sinh ngày 01/8/2007. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa anh Trần Thanh T trình bày khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị N hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Chị N mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng có thể hiện nguyện vọng giả sử Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Cao T nên Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của các đương sự giao con chung tên Trần Cao Tiến – sinh ngày 01/8/2007 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Trần Cao T đã thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, nộp về án phí, lệ phí Tòa án anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 191, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 19; khoản 01 Điều 51; khoản 01 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh T

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Cao Thị N

- **Về con chung:** Giao con chung tên Trần Cao T – sinh ngày 01/8/2007 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Năm hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Trần Cao T đã thành niên và có khả năng lao động.

Anh Trần Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền số 0027648 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết. Số tiền án phí còn lại anh T phải tiếp tục nộp là 300.000đ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người có nghĩa vụ phải thi hành án chậm trả tiền, thì người có nghĩa vụ phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn và bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết;
- UBND phường Mũi Né;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

NGUYỄN THỊ NHƯ YẾN NGUYỄN THẾ QUẢNG

PHẠM PHONG LAN

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP. PT
- Thị hành án dân sự TP. Phan Thiết
- UBND phường Phú Thủy
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM PHONG LAN

